BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 319.2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2017 đến ngày 31/12/2017

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 319.2 (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2017 (ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần) đến ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2017 đến ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lại Văn Thoan	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/09/2017)
Ông Nguyễn Tường Phương	Uỷ viên (Bổ nhiệm ngày 28/09/2017)
Ông Nguyễn Văn Vinh	Uỷ viên (Bổ nhiệm ngày 28/09/2017)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tường Phương	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/10/2017)
Ông Nguyễn Văn Tăng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/10/2017)
Ông Vũ Đăng Tuệ	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/10/2017)
Ông Trương Mạnh Hùng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/10/2017)
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/10/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2017 đến ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0105870441 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 319.2 Q. LONG BIÊN - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Tường Phương
Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

Số: 77 /2018/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 319.2

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 319.2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/03/2018 và trình bày từ trang số 05 đến trang số 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2017 (ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần) đến ngày 31/12/2017 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Số dư tiền mặt tồn quỹ tại ngày 31/12/2017 toàn Công ty là 12.739.112.827 đồng, chúng tôi không tham gia quan sát kiểm kê tiền mặt tồn quỹ tại các đơn vị trực thuộc tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các bằng chứng kiểm toán thu thập được không đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của số dư tiền mặt tồn quỹ tại ngày 31/12/2017 nêu trên cũng như không thể đánh giá được ảnh hưởng của số dư này tới Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 319.2 tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2017 đến ngày 31/12/2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Như đã trình bày tại thuyết minh số 11 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Trong kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2017 đến ngày 31/12/2017, Công ty đã thực hiện phân tích và đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ quá hạn thanh toán; số dư công nợ phải thu quá hạn khoảng 16,8 tỷ đồng chủ yếu là các khoản nợ phải thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh chính với các khách hàng hiện hành của Công ty. Do đặc thù của hoạt động xây lắp và các đơn vị chủ đầu tư, Ban giám đốc Công ty tin tưởng sẽ thu hồi được các khoản công nợ phải thu phù hợp với kế hoạch đã được thiết lập nên Công ty không lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- Như đã trình bày tại thuyết minh số 21 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính về giao dịch và số dư với các bên liên quan: Tại ngày 31/12/2017, Công ty đang phản ánh các khoản công nợ phải thu vãng lai với chủ sở hữu là Tổng công ty 319 Bộ Quốc Phòng trên số dư khoản mục "Phải thu nội bộ ngắn hạn" mặc dù các giao dịch này thể hiện quan hệ giữa các pháp nhân độc lập.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AN VIỆT

Ngô Việt Thanh	**Tạ Thị Thắm**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy chứng nhận ĐKHNKT 1687-2018-055-1	Số Giấy chứng nhận ĐKHNKT 3676-2016-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực 5572 Quyển số.. 05-SCT/BS
Ngày 14 -05- 2018
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Thành Trung

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	10/10/2017
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**487.414.876.787**	**494.939.602.033**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**73.791.508.529**	**40.892.886.353**
1.	Tiền	111	5	73.791.508.529	40.892.886.353
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**291.109.615.521**	**266.394.966.585**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	218.455.904.668	205.862.436.668
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	26.775.115.731	35.251.856.846
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		20.023.310.707	-
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	9	25.855.284.415	25.280.673.071
III.	**Hàng tồn kho**	**140**		**119.836.323.319**	**177.337.663.074**
1.	Hàng tồn kho	141	8	119.836.323.319	177.337.663.074
IV.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**2.677.429.418**	**10.314.086.021**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.355.471.514	2.264.256.480
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.321.957.904	8.049.829.541
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**29.589.802.273**	**31.119.421.001**
I.	**Tài sản cố định**	**220**		**25.065.043.267**	**26.475.014.747**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	25.018.168.275	26.426.381.942
	- Nguyên giá	*222*		*39.240.193.636*	*39.240.193.636*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(14.222.025.361)*	*(12.813.811.694)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227		46.874.992	48.632.805
	- Nguyên giá	*228*		*62.500.000*	*62.500.000*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(15.625.008)*	*(13.867.195)*
II.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**4.524.759.006**	**4.644.406.254**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.524.759.006	4.644.406.254
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**517.004.679.060**	**526.059.023.034**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	10/10/2017
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**466.205.828.490**	**498.550.617.473**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**459.948.400.276**	**489.119.111.074**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	297.994.299.556	273.098.824.400
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		84.722.159.930	99.946.291.538
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		435.591.256	882.715.452
4.	Phải trả người lao động	314		7.590.579.110	6.874.589.891
5.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	7.674.225.957
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	15	2.373.122.031	25.577.971.737
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	66.832.648.393	75.064.492.099
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**6.257.428.214**	**9.431.506.399**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	6.257.428.214	9.431.506.399
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**50.798.850.570**	**27.508.405.561**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**16**	**50.798.850.570**	**27.508.405.561**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		49.500.000.000	27.508.405.561
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*49.500.000.000*	*27.508.405.561*
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.298.850.570	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*1.298.850.570*	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**517.004.679.060**	**526.059.023.034**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thùy	Vũ Ngọc Giang	Nguyễn Tường Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2017 đến ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 10/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 09/10/2017
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	17	**204.674.756.479**	**305.225.742.984**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.365.235.688
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**204.674.756.479**	**302.860.507.296**
4.	Giá vốn hàng bán	11	18	194.121.798.665	283.627.921.563
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**10.552.957.814**	**19.232.585.733**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21		31.981.914	296.014.110
7.	Chi phí tài chính	22		1.443.482.527	6.060.555.223
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.443.482.527*	*6.060.555.223*
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	6.963.500.919	13.489.917.511
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**2.177.956.282**	**(21.872.891)**
11.	Thu nhập khác	31		-	663.833.119
12.	Chi phí khác	32		94.255.001	118.289.786
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(94.255.001)**	**545.543.333**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**2.083.701.281**	**523.670.442**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	435.591.256	128.392.045
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**1.648.110.025**	**395.278.397**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thùy	Vũ Ngọc Giang	Nguyễn Tường Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2017 đến ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 10/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 09/10/2017
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	**01**	**2.083.701.281**	**523.670.442**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**			
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.409.971.480	4.721.690.618
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(31.981.914)	13.390.152.769
	- Chi phí lãi vay	06	1.443.482.527	6.060.555.223
	- Các khoản điều chỉnh khác	07	(349.259.455)	3.803.175.601
3.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**08**	**4.555.913.919**	**28.499.244.653**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(17.986.777.299)	(87.027.819.554)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	57.501.339.755	(4.917.478.538)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(22.600.651.304)	(2.951.529.051)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.028.432.214	(4.615.757.913)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(217.289.571)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**22.280.967.714**	**(71.013.340.403)**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.981.914	296.014.110
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**31.981.914**	**296.014.110**
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21.991.594.439	24.237.664.359
2.	Tiền thu từ đi vay	33	28.506.281.019	126.628.362.160
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(39.912.202.910)	(136.100.153.797)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**10.585.672.548**	**14.765.872.722**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**32.898.622.176**	**(55.951.453.571)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**40.892.886.353**	**96.844.339.924**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**73.791.508.529**	**40.892.886.353**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thùy	Vũ Ngọc Giang	Nguyễn Tường Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 319.2 được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV 319.2 từ ngày 10/10/2017 theo theo Quyết định số 595/QĐ-BQP ngày 06/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV 319.2 thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đang ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105870441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/10/2017. Vốn điều lệ của Công ty là 49,5 tỷ đồng, tương ứng với 4.950.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Tổ chức của Công ty bao gồm:

- Văn phòng Công ty;
- Các Đội thi công;

Trụ sở chính của Công ty tại số 145/154, đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng nhà các loại, công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất bê tông các loại, các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, lắp đặt các công trình xây dựng khác;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự mặt bằng xây dựng);
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV, 110KV và 500KV.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2017 đến ngày 31/12/2017 được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty cổ phần do đó không có dữ liệu so sánh tương ứng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản…

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí cho các hoạt động thi công nhưng chưa hoàn thành nghiệm thu thanh toán tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động. Giá trị dở dang được xác định tương ứng với

chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí sử dụng máy thi công và Chi phí sản xuất chung phát sinh nhưng chưa được nghiệm thu với chủ đầu tư.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	01 - 07

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ…

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay từ các ngân hàng thương mại; cá nhân là cán bộ, công nhân viên của Công ty.

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản vay có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn". Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí lán trại và các chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán về Hợp đồng xây dựng (được trình bày chi tiết dưới đây):

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào thời điểm báo cáo mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập.

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 21.

5. TIỀN

	31/12/2017	10/10/2017
	VND	VND
Tiền mặt	12.739.112.827	8.705.652.123
Tiền gửi ngân hàng (*)	61.052.395.702	32.187.234.230
Cộng	**73.791.508.529**	**40.892.886.353**

(*) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2017 bao gồm khoản tiền thu được từ việc bán cổ phần phục vụ cho mục đích cổ phần hóa của Công ty (bao gồm cả lãi tiền gửi).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	10/10/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	**218.455.904.668**	**205.862.436.668**
Công ty TNHH BOT và BT Quốc Lộ 20	48.862.303.800	42.154.984.307
Công ty Hữu hạn Tập đoàn Cục 6 Đường Sắt Trung Quốc	52.410.898.999	60.706.826.837
Ban quản lý dự án Hàng hải (dự án luồng sông Hậu)	17.563.530.012	17.563.530.012
Công ty TNHH 2TV BOT QL1A CIENCO04 - Tổng công ty 319	10.486.748.380	10.486.748.380
Các khách hàng khác	89.132.423.477	74.950.347.132
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	**218.455.904.668**	**205.862.436.668**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017	10/10/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại An Dương	5.909.383.522	7.546.241.822
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại Delta Việt Nam	-	7.457.107.981
Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế XD Giao Thông 135	1.225.437.000	3.382.218.000
Công ty Cổ phần Quốc Trí	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Đông Phương	2.856.990.000	2.356.990.000
Các nhà cung cấp khác	10.783.305.209	8.509.299.043
Cộng	**26.775.115.731**	**35.251.856.846**

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		10/10/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.069.429.316	-	10.491.441.898	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	107.766.894.003	-	166.846.221.176	-
Cộng	**119.836.323.319**	**-**	**177.337.663.074**	**-**

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2017	10/10/2017
	VND	VND
Công trình Cải tạo quốc lộ 20	1.243.900.656	37.562.025.411
Công trình dự án Luồng Sông Hậu gói 10B	3.642.303.046	3.642.303.046
Công trình dự án trục Bắc Nam Hải Dương	4.883.134.620	-
Công trình Nạo vét Long Sơn	73.422.800	15.291.233.680
Công trình Cao tốc Cẩm Hải Vân Đồn	8.192.149.085	15.338.307.408
Công trình Khách sạn The Light Nha Trang	7.667.041.086	-
Công trình Cấp thoát nước khu Depot	8.065.983.979	-
Gói 2 Đường Nguyễn Văn Cừ	6.035.785.308	-
Các công trình khác	67.963.173.423	95.012.351.631
Cộng	**107.766.894.003**	**166.846.221.176**

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		10/10/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**25.855.284.415**	-	**25.280.673.071**	-
Ký cược, ký quỹ	7.349.172.734	-	5.334.801.867	-
Tạm ứng	17.716.901.636	-	17.743.874.510	-
Các khoản chi hộ	-	-	1.160.781.308	-
Phải thu khác	789.210.045	-	1.041.215.386	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**25.855.284.415**	-	**25.280.673.071**	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	10/10/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	**1.355.471.514**	**2.264.256.480**
Chi phí lán trại và công cụ dụng cụ	1.355.471.514	2.000.997.024
Chi phí trả trước khác	-	263.259.456
Dài hạn	**4.524.759.006**	**4.644.406.254**
Lợi thế kinh doanh (*)	4.209.829.747	4.281.182.794
Chi phí trả trước khác	314.929.259	363.223.460

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty được xác định bởi một tổ chức định giá chuyên nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV 319.2. Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định là 4.281.182.794 đồng và được Công ty phân bổ trong vòng 10 năm.

11. NỢ QUÁ HẠN

	31/12/2017				10/10/2017			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Dự án Cam Ranh (Gói 27)	Trên 3 năm	1.471.885.000	1.471.885.000	-	Trên 3 năm	1.471.885.000	1.471.885.000	-
Đường 18C Tiên Yên - Hoành Mô	Từ 2 - 3 năm	5.690.131.137	5.690.131.137	-	Từ 2 - 3 năm	5.690.131.137	5.690.131.137	-
Công trình Kè Hoành Mô	Trên 3 năm	5.969.336.000	5.969.336.000	-	Từ 2 - 3 năm	5.969.336.000	5.969.336.000	-
Công trình Cam Ranh (Gói 48)	Trên 3 năm	1.251.194.000	1.251.194.000	-	Từ 2 - 3 năm	1.251.194.000	1.251.194.000	-
Đường gom dân sinh đoạn Km 153 Cẩm Phả	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	478.126.900	478.126.900	-
Các công trình khác	Trên 3 năm	2.445.214.477	2.445.214.477	-	Trên 3 năm	2.445.214.477	2.445.214.477	-
Cộng		**16.827.760.614**	**16.827.760.614**	**-**		**17.305.887.514**	**17.305.887.514**	**-**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2017 đến ngày 31/12/2017, Công ty đã thực hiện phân tích và đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ quá hạn thanh toán; số dư công nợ phải thu quá hạn chủ yếu là các khoản nợ phải thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh chính với các khách hàng hiện hành của Công ty.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 10/10/2017	**28.910.648.183**	**10.225.545.453**	**104.000.000**	**39.240.193.636**
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	**28.910.648.183**	**10.225.545.453**	**104.000.000**	**39.240.193.636**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 10/10/2017	**8.818.505.800**	**3.900.464.240**	**94.841.654**	**12.813.811.694**
Khấu hao trong kỳ	1.157.947.415	248.691.253	1.574.999	1.408.213.667
Tại ngày 31/12/2017	**9.976.453.215**	**4.149.155.493**	**96.416.653**	**14.222.025.361**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 10/10/2017	**20.092.142.383**	**6.325.081.213**	**9.158.346**	**26.426.381.942**
Tại ngày 31/12/2017	**18.934.194.968**	**6.076.389.960**	**7.583.347**	**25.018.168.275**
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	*86.000.000*	-	*69.000.000*	*155.000.000*

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		10/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	**297.994.299.556**	**297.994.299.556**	**273.098.824.400**	**273.098.824.400**
Công ty Cổ phần xây dựng 189	542.513.935	542.513.935	1.392.453.493	1.392.453.493
Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Liên Phát	3.989.214.320	3.989.214.320	3.989.214.320	3.989.214.320
Công ty Cổ phần Rạng Đông	25.728.974.802	25.728.974.802	41.756.554.802	41.756.554.802
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng thương mại Đại Dũng	7.446.537.556	7.446.537.556	7.446.537.556	7.446.537.556
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn và cơ khí Bình Dương	13.872.067.922	13.872.067.922	16.311.975.522	16.311.975.522
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	246.414.991.021	246.414.991.021	202.202.088.707	202.202.088.707
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**297.994.299.556**	**297.994.299.556**	**273.098.824.400**	**273.098.824.400**
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Bê tông 319	-	-	81.864.480	81.864.480

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	10/10/2017		Trong kỳ		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**75.064.492.099**	**75.064.492.099**	**28.387.046.604**	**36.618.890.310**	**66.832.648.393**	**66.832.648.393**
Vay ngắn hạn	**75.064.492.099**	**75.064.492.099**	**26.155.309.004**	**36.618.890.310**	**64.600.910.793**	**64.600.910.793**
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa (i)	56.921.376.083	56.921.376.083	26.155.309.004	31.618.890.310	51.457.794.777	51.457.794.777
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (ii)	18.143.116.016	18.143.116.016	-	5.000.000.000	13.143.116.016	13.143.116.016
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	**2.231.737.600**	-	**2.231.737.600**	**2.231.737.600**
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa (iii)	-	-	2.231.737.600	-	2.231.737.600	2.231.737.600
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**9.431.506.399**	**9.431.506.399**	**119.234.415**	**3.293.312.600**	**6.257.428.214**	**6.257.428.214**
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa (iii)	3.293.312.600	3.293.312.600	-	3.293.312.600	-	-
Vay cá nhân (iv)	6.138.193.799	6.138.193.799	119.234.415	-	6.257.428.214	6.257.428.214
Cộng	**84.495.998.498**	**84.495.998.498**	**28.506.281.019**	**39.912.202.910**	**73.090.076.607**	**73.090.076.607**

(i) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng cấp tín dụng số 7375.17.075.772652.TD ngày 28/03/2017. Hạn mức cho vay tối đa 150 tỷ đồng, tuy nhiên, giá trị hạn mức tối đa tại mọi thời điểm không được vượt quá giá trị hạn mức được Tổng công ty 319 phân bổ cho Công ty theo từng thời kỳ được Ngân hàng Quân đội phê duyệt, hiện tại là 60 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến hết ngày 31/03/2018, tuy nhiên thời gian rút vốn không vượt quá thời gian duy trì hạn mức khung hàng năm được Ngân hàng Quân đội cấp cho Tổng công ty 319, hiện tại là ngày 15/01/2018. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp của Công ty. Lãi suất áp dụng được quy định cụ thể trên từng Giấy nhận nợ, thời hạn của mỗi khoản nợ tối đa là 9 tháng. Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng này là sản lượng dở dang, quyền đòi nợ hình thành từ phương án sử dụng vốn vay.

(ii) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 120/2016 - HĐTDTM/NHCT106 ngày 22/09/2016, mục đích vay vốn là bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì từ ngày 22/09/2016 đến ngày 15/09/2017. Phụ lục gia hạn hợp đồng đến 15/09/2018. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng này là sản lượng dở dang, quyền đòi nợ hình thành từ phương án sử dụng vốn vay.

(iii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 34.14.075.772652.TD ngày 13/03/2014, số tiền vay 2.170.000.000 đồng. Mục đích vay tài trợ vốn đầu tư trung hạn mua 2 máy lu rung nhãn hiệu Dynapac CA250D theo hợp đồng mua bán hàng số 104/HD/2013 ngày 26/11/2013 và mục đích khác nếu được ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay có liên quan. Lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân 14,6%/năm. Tài sản của bên vay dùng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 2 xe lu rung Dynapac CA250D có giá trị là 3.100.000.000 đồng. Kỳ hạn vay 48 tháng kể từ thời điểm giải ngân khoản vay đầu tiên.

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 33.14.075.772652.TD ngày 7/05/2014, số tiền vay 1.350.000.000 đồng. Mục đích thanh toán tiền đầu tư trung hạn mua 1 xe rải nhựa hiệu Vogele nhập khẩu nguyên chiếc từ Đức, sản xuất năm 2008 và mục đích khác nếu được ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay có liên quan. Lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân 14,6%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn với giá trị 2.700.000.000 đồng. Kỳ hạn 48 tháng kể từ thời điểm giải ngân khoản vay đầu tiên.

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 21.13.075.772652.TD ngày 28/06/2013, số tiền vay 9.631.437.600 đồng. Mục đích vay thanh toán tiền nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ mục đích đầu tư trung dài hạn tăng năng suất sản xuất của công ty: máy trạm trộn bê tông nhựa nóng model TSAP-1500FFW mua theo hợp đồng ngoại số SPECO-319.2/01AP. Lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân 14,6%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn với giá trị 13.759.200.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 81.14.075.772652.TD ngày 04/07/2014, số tiền vay 2.240.000.000 đồng. Mục đích vay thanh toán tiền đầu tư trung hạn mua 2 máy lu rung Hamm Model 3410 mới 100% nhập khẩu nguyên chiếc Đức, sản xuất năm 2014. Lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân 14,6%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn với giá trị 3,2 tỷ đồng.

(iv) Khoản vay dài hạn cá nhân lãi suất là lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Quân đội thời hạn 2 năm tại từng thời điểm.

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	10/10/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	76.220.966	35.313.128
Phải trả Công ty TNHH Minh Hằng	756.999.774	756.999.774
Phải trả về cổ phần hóa (*)	1.085.308.608	24.237.684.359
Các khoản phải trả, phải nộp khác	454.592.683	547.974.476
Cộng	**2.373.122.031**	**25.577.971.737**

(*) Là khoản phải trả về cổ phần hóa đã được bù trừ giữa các khoản phải thu về cổ phần hóa (các khoản chi phí liên quan đến cổ phần hóa) và các khoản phải trả về cổ phần hóa (tiền góp vốn của các cổ đông, lãi tiền gửi của khoản tiền này).

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017	**20.000.000.000**	**916.363.636**	**1.781.170.267**	**-**	**-**	**22.697.533.903**
Tăng vốn trong kỳ	3.227.222.767	(916.363.636)	(1.781.170.267)	(64.345.698)	(465.342.843)	323
Lãi trong kỳ	-	-	-	395.278.397	-	395.278.397
Đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	465.342.843	465.342.843
Lợi thế kinh doanh	4.281.182.794	-	-	-	-	4.281.182.794
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(39.650.681)	-	(39.650.681)
Giảm khác	-	-	-	(291.282.018)	-	(291.282.018)
Tại ngày 10/10/2017	**27.508.405.561**	**-**	**-**	**-**	**-**	**27.508.405.561**
Tăng vốn trong kỳ	21.991.594.439	-	-	-	-	21.991.594.439
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.648.110.025	-	1.648.110.025
Giảm khác	-	-	-	(349.259.455)	-	(349.259.455)
Tại ngày 31/12/2017	**49.500.000.000**	**-**	**-**	**1.298.850.570**	**-**	**50.798.850.570**

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	10/10/2017
	VND	VND
Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng	25.245.000.000	27.508.405.561
Vốn góp của các đối tượng khác	24.255.000.000	-
Cộng	**49.500.000.000**	**27.508.405.561**

Cổ phiếu

	31/12/2017
	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**4.950.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	
- Cổ phiếu phổ thông	4.950.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	
- Cổ phiếu phổ thông	4.950.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	
- Cổ phiếu phổ thông	4.950.000
**** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:***	**10.000**

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 10/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 09/10/2017
	VND	VND
Doanh thu các công trình xây lắp	147.301.818	23.607.198.509
Doanh thu các công trình giao thông, thủy lợi	203.889.899.952	262.818.527.490
Doanh thu khác	637.554.709	18.800.016.985
Cộng	**204.674.756.479**	**305.225.742.984**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 10/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 09/10/2017
	VND	VND
Giá vốn các công trình xây lắp	135.754.916	21.413.360.207
Giá vốn các công trình giao thông, thủy lợi	193.386.742.323	244.781.304.464
Giá vốn khác	599.301.426	17.433.256.892
Cộng	**194.121.798.665**	**283.627.921.563**

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 10/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 09/10/2017
	VND	VND
Phí sử dụng thương hiệu	4.664.083.795	5.938.853.561
Chi phí nhân viên quản lý	1.633.897.114	4.611.784.301
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	90.566.209	367.485.775
Chi phí khấu hao TSCĐ	284.397.103	272.562.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.699.972	1.292.758.997
Chi phí bằng tiền khác	213.856.726	1.006.472.748
Cộng	**6.963.500.919**	**13.489.917.511**

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 10/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 09/10/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**2.083.701.281**	**523.670.442**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	94.255.001	118.289.786
Thu nhập chịu thuế	**2.177.956.282**	**641.960.228**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**435.591.256**	**128.392.045**

21. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty 319	Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH 2TV BOT Quốc lộ 1A Cienco4-Tổng công ty 319	Công ty cùng Tổng công ty

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan như sau

	Từ 10/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 09/10/2017
	VND	VND
Tổng công ty 319 Bộ Quốc Phòng		
Phí sử dụng thương hiệu	4.664.083.795	5.938.853.561
Bán tài sản cố định cho Tổng công ty	-	14.350.000.000
Mua tài sản cố định từ Tổng công ty	-	14.350.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	**319.200.000**	**1.039.200.000**

Số dư với các bên liên quan như sau

	31/12/2017	10/10/2017
	VND	VND
Tổng công ty 319 Bộ Quốc Phòng		
Phải thu nội bộ	20.023.310.707	-
Phải trả nội bộ	-	7.674.225.957

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 10/10/2017 đến ngày 31/12/2017.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 09 tháng 10 năm 2017 đã được kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 về Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2017 đến ngày 31/12/2017 không có dữ liệu so sánh tương ứng.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thùy	Vũ Ngọc Giang	Nguyễn Tường Phương